TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
2. Ông Nguyễn Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông Tô Minh Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023; về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Hứa Thị Hồng T**; sinh năm 1980. ĐKTT: 40G khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: 027 khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thái B**; sinh năm 1969. Địa chỉ: 40G khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hứa Thị Hồng T cho rằng*:**

Bà và ông Nguyễn Thái B tự nguyện chung sống vào năm 1997, đến ngày 22/02/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Khoảng 01 năm sau khi chung sống với nhau, ông B thường xuyên đi nhậu, về nhà kiếm chuyện chửi mắng bà; ngoài ra, ông B không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình, cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đến tháng 10/2022 bà đã bỏ nhà đi về nhà chị ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Hải N (nữ), sinh ngày 19/5/1995 (Ngày 21/8/2007 mới đi đăng ký khai sinh cho con và khai báo nhầm năm sinh khi đăng ký); Nguyễn Hải D (nam), sinh ngày 08/5/2000; Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 29/10/2006 và Nguyễn Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 21/5/2008.

Đối với cháu Nguyễn Thị Hải N và Nguyễn Hải D: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thị Ngọc Tr hiện đang sống chung với ông B nên bà giao hai con cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng/con, đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thái B vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: bà T yêu cầu ly hôn, còn ông B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến thể hiện mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại; hơn nữa, từ khi ly thân đến nay vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại; do đó, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông B.

+ Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Hải N (nữ), sinh ngày 19/5/1995; Nguyễn Hải D (nam), sinh ngày 08/5/2000; Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 29/10/2006 và Nguyễn Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 21/5/2008.

Đối với cháu Hải N và Hải D: đã trưởng thành nên không giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thị Ngọc Tr hiện đang sống chung với ông B. Bà T đồng ý giao hai con cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng mỗi con 800.000đ/tháng, đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, để ổn định về việc chăm sóc, giáo dục con, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng và bà T cấp dưỡng nuôi hai con.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà T theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

+ Về nợ: bà T cho rằng không có nợ chung; còn ông B vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hứa Thị Hồng T và ông Nguyễn Thái B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống đã có bốn con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, giữa hai bên có sự bất đồng quan điểm và bất đồng trong cách quản lý kinh tế nên không còn quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà T yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến nào thể hiện có nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ lại; bên cạnh đó, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ông B vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Hứa Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Thái B là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Hải N (nữ), sinh ngày 19/5/1995; Nguyễn Hải D (nam), sinh ngày 08/5/2000; Nguyễn Hải Đ

(nam), sinh ngày 29/10/2006 và Nguyễn Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 21/5/2008.

Đối với cháu Hải N và Hải D: đã trưởng thành nên không giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thị Ngọc Tr hiện đang sống chung với ông B. Bà T đồng ý giao hai con cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng/con, đến khi con đủ 18 tuổi. Thấy rằng, để ổn định tâm lý các con và điều kiện chăm sóc, giáo dục con, cần giao cháu Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thị Ngọc Tr cho ông Nguyễn Thái B tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng/con.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Hứa Thị Hồng T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ: bà T cho rằng không có nợ chung; còn ông B vắng mặt nên chưa làm rõ được; ngoài ra, do hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Hứa Thị Hồng T.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: cho bà Hứa Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Thái B.

2. **Về con chung**: Có 04 con chung là Nguyễn Thị Hải N (nữ), sinh ngày 19/5/1995; Nguyễn Hải D (nam), sinh ngày 08/5/2000; Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 29/10/2006 và Nguyễn Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 21/5/2008.

Đối với cháu Hải N và Hải D: đã trưởng thành nên không giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 29/10/2006 và Nguyễn Thị Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 21/5/2008 cho ông Nguyễn Thái B tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Hứa Thị Hồng T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thị Ngọc Tr, mức cấp dưỡng **800.000đ** (Tám trăm ngàn đồng)/tháng/con, kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Hứa Thị Hồng T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ**: Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Hứa Thị Hồng T phải chịu 300.000đ án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; Tổng cộng, bà T chịu 600.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0008942 ngày 16/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà Hứa Thị Hồng T còn phải nộp thêm 300.000đ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo**:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. **Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự**: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- UBND P. T, Q. C;
- Chi cục T.H.A Q. C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

Nguyễn Thị Thùy Trang